

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 23/2022/DS-GĐT

Ngày: 14/02/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

10/12 thành viên tham gia xét xử, do ông Bùi Đức Xuân - Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ tọa phiên tòa, theo ủy nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly - Thẩm tra viên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Kim T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: số 736, Quốc lộ 30, Ấp 1, xã Mỹ Tân, thành phố CL, tỉnh ĐT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Quang Tr, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 278 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, thành phố CL, tỉnh ĐT
(Văn bản ủy quyền ngày 24/5/2017).

2. Bị đơn:

2.1. Phạm Thanh T, sinh năm 1966;

2.2. Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: 03 Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố CL, tỉnh ĐT.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Phú Y, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 2, Đường 17, KDC Sông Đà, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 14/11/2017).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thanh T.

Địa chỉ: Số 03, Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố CL, tỉnh ĐT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hồng Tú, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 17/3, đường số 51, KP8, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2014, nguyên đơn là bà Trần Kim T trình bày: Ngày 01/11/2011, vợ chồng ông T, bà Th mượn của bà 12 lượng vàng SJC (vàng 24K 9999), không thỏa thuận lãi. Sau khi ông T viết biên nhận có đưa bà Th ký tên và ông T tự đóng dấu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thanh T (sau đây viết tắt là Công ty Thanh T) vào chữ ký của ông T. Đầu năm 2012 ông T, bà Th vay thêm của bà 350.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, trả lãi hàng tháng, không thỏa thuận thời hạn trả mà chỉ cam kết khi nào bà cần tiền, vàng thì báo trước cho vợ chồng ông T, bà Th thu xếp trả. Đầu năm 2013 bà thông báo cho vợ chồng ông T, bà Thủy trả nợ. Do không có tiền trả một lần nên ông T, bà Th đã trả dần thành nhiều lần, đồng thời hứa sẽ tính tiền lãi 2%/tháng khi trả tiền và vàng vốn lần cuối. Tính đến ngày 06/9/2013 ông T, bà Th đã trả được 200.000.000 đồng, còn lại 150.000.000 đồng nên đã viết lại biên nhận mới vay số tiền 160.000.000 đồng, do chưa trừ 10.000.000 đã trả trước đó. Đến ngày 23/01/2014 ông T, bà Th trả được tổng cộng 260.000.000 đồng, còn nợ 90.000.000 đồng và 12 lượng vàng SJC. Từ khi vay đến nay ông T, bà Th chưa trả số tiền lãi nào. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà Th liên đới trả cho bà 12 lượng vàng SJC và 90.000.000 đồng tiền vay, yêu cầu trả lãi đối với số tiền gốc 90.000.000 đồng tính từ ngày 23/01/2014 đến ngày xét xử là 51 tháng, mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền 38.097.000 đồng và yêu cầu tính lãi đến khi giải quyết xong vụ án, không yêu cầu tính lãi đối với số vàng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày: Ngày 01/11/2011, Công ty Thanh T với bà Thủy có thỏa thuận hùn vốn kinh doanh phân bón, bà Thủy góp vốn vào 12 lượng vàng SJC và 300.000.000 đồng, Công ty Thanh T có viết biên nhận với nội dung mượn vàng bà Thủy, sau đó công ty Thanh T đã trả cho bà Thủy 210.000.000 đồng, nên còn lại 90.000.000 đồng. Việc bà Thủy khởi kiện yêu cầu cá nhân ông, bà trả 12 lượng vàng SJC; 90.000.000 đồng tiền gốc và lãi là không đúng vì không phải nợ cá nhân. Do đó, ông, bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà Thủy.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Thanh T:

Bà Huỳnh Phú Y, đại diện theo ủy quyền trong thời gian từ 14/11/2017 đến ngày 01/10/2018 và ông Trương Hồng Tú, đại diện theo ủy quyền từ ngày 01/10/2018 trình bày: Thống nhất với lời khai của ông T và bà Th. Do trước đó ngày 15/12/2007 Công ty Thanh T và bà Thủy có hùn vốn kinh doanh xe tải có

lập hợp đồng, để cho đơn giản nên dựa trên hợp đồng góp vốn ngày 15/12/2007, theo thỏa thuận thì Công ty Thanh T chia lãi cho bà Thủy mỗi tháng 4,5% trên tỉ lệ góp vốn trên. Từ khi hai bên hùn vốn kinh doanh cho đến nay hai bên chưa đối chiếu sổ sách, vì vậy để bảo đảm quyền và lợi ích cho các bên, yêu cầu được đối chất giữa nguyên đơn với bị đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 17/5/2018, Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh ĐT quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T. Buộc ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh Th cùng liên đới trả cho bà Trần Kim T 12 lượng vàng SJC (24k 9999) và số tiền gốc, lãi là 125.856.000 đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm do chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 254/2018/DS-PT ngày 16/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh ĐT quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh Th. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm do chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/3/2021, ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh Th có đơn đề nghị kháng nghị bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại quyết định số 176/QĐKNGĐT-VKS-VP ngày 29/6/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 254/2018/DS-PT ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh ĐT. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố CL xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về nội dung kháng nghị “Tòa án hai cấp xác định 12 lượng vàng SJC là nợ cá nhân ông T, bà Th và buộc ông T, bà Th liên đới trả 12 lượng vàng SJC (vàng 24K 9999) và tiền lãi cho bà Thủy là chưa có cơ sở”:*

Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (đăng ký lần đầu ngày 24/6/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 05/9/2017) do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh ĐT cấp cho Công ty TNHH Thanh T, địa chỉ Số 3, Quốc lộ 10, phường Mỹ Phú, thành phố CL, tỉnh ĐT. Công ty có vốn điều lệ 6.800.000.000 đồng; có hai thành viên góp vốn (ông Phạm Thanh T góp 5.644.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thanh Th góp 1.156.000.000 đồng); người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Phạm Thanh T, chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà Th và người đại diện theo ủy quyền cho rằng số vàng và tiền mà ông, bà đã nhận của bà Thủy theo các Biên nhận ngày 01/11/2011 và ngày 06/9/2013 thực chất là tiền và vàng bà Thủy góp vốn hợp tác kinh doanh vào Công ty Thanh T để kinh doanh phân bón. Giữa ông T, bà Th và bà Thủy có mối quan hệ làm ăn chung với nhau theo hợp đồng góp vốn kinh doanh xe tải ngày 15/12/2007, từ đó hai bên tín nhiệm nhau nên về sau bà Thủy góp vốn vào Công ty Thanh T toàn bộ bằng miệng, việc ông T bà Th làm biên nhận mượn tiền và vàng cho hợp lệ giữa hai bên chứ không phải tiền bà Thủy cho vợ chồng ông T, bà Th vay.

Tuy nhiên, lời trình bày của ông T, bà Th không được bà Thủy thừa nhận. Theo hợp đồng hùn vốn kinh doanh phân bón, hợp đồng hùn vốn ngày 15/12/2007 là hợp đồng góp vốn kinh doanh xe tải và nội dung hợp đồng chỉ có giá trị trong 01 tháng. Ông T, bà Th cũng không cung cấp được chứng cứ, hồ sơ sổ sách của Công ty về việc Công ty chia lợi nhuận theo thỏa thuận góp vốn sau thời điểm đã ký Hợp đồng ngày 05/12/2007. Trong khi đó, tại Biên nhận ngày 01/11/2011 thể hiện rõ nội dung: *Tôi Phạm Thanh T có mượn của chị Thủy số vàng 12 lượng vàng SJC*; Biên nhận ngày 06/9/2013 cũng thể hiện nội dung: *"Tôi Phạm Thanh T có mượn của chị Thủy số tiền 160.000.000"*, cả hai biên nhận nêu trên đều có chữ ký của bà Th và không có nội dung nào thể hiện việc nhận tiền để hùn vốn.

Mặt khác, lời khai của ông T, bà Th có mâu thuẫn, ban đầu cho rằng, do hùn vốn kinh doanh nên mới không trả lãi nhưng sau đó ông T, bà Th lại xuất trình giấy tính lãi vàng và lãi tiền, nhưng số tiền ghi trên tờ giấy tính lãi không thể hiện là lãi của số vàng và tiền vốn vay nào, cụ thể là bao nhiêu, bà Thủy cũng không thừa nhận đây là giấy tính lãi vay vàng và tiền trong vụ án mà nguyên đơn khởi kiện, bị đơn cũng không chứng minh được số tiền ghi trên tờ giấy tính lãi là tiền lãi của khoản vay nào. Ngoài ra, Biên nhận ngày 01/11/2011 có đóng dấu Công ty nhưng không thể hiện nội dung ông T mượn với tư cách là Giám đốc đại diện cho Công ty.

Do đó, có cơ sở xác định 12 lượng vàng SJC và 90.000.000 đồng mà ông T, bà Th đã nhận là khoản tiền, vàng mà cá nhân ông T và bà Th vay bà Thủy

chưa trả được gốc và lãi. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thủy, buộc ông T và bà Th cùng liên đới trả cho bà Thủy 12 lượng vàng SJC (24k 9999) và số tiền 125.856.000 đồng gốc, lãi đã vay là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] *Về nội dung kháng nghị đối với quyền kháng cáo của Công ty Thanh T:* Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty Thanh T được quyền kháng cáo theo quy định nhưng hồ sơ thể hiện Công ty Thanh T không kháng cáo, không đóng tạm ứng án phí nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét là đúng.

[3] *Về nội dung kháng nghị việc thay đổi người tiến hành tố tụng:*

Tại phiên tòa phúc thẩm xét xử từ ngày 09/10/2018 và ngày 16/10/2018, Biên bản phiên tòa thể hiện có mặt những người đại diện theo ủy quyền cụ thể: Đại diện cho nguyên đơn là ông Thái Quang Tr, đại diện cho nguyên đơn Trần Kim T; đại diện cho ông đại diện cho Công ty Thanh T là ông Trương Hồng Tú (Văn bản ủy quyền ngày 16/5/2018). Tại phiên tòa phúc thẩm, chủ tọa phiên tòa giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử có sự thay đổi 01 thành viên so với danh sách Thẩm phán dự khuyết trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các đương sự đều không yêu cầu thay đổi ai, thiếu sót này chỉ cần rút kinh nghiệm và không ảnh hưởng quyền của các đương sự theo khoản 14 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự như kháng nghị đã nêu.

[4] *Về nội dung kháng nghị nhập, tách vụ án:*

Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh ĐT đã thụ lý 03 vụ án khác nhau cụ thể: Vụ án thụ lý số 118/2015/TLST-DS ngày 31/5/2015 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn Trần Kim T, Nguyễn Văn Hồng với bị đơn Công ty TNHH Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh Th; Vụ án thụ lý số 47/2017/TLST-DS ngày 10/3/2017 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn Trần Kim T với bị đơn Phạm Thanh T, Nguyễn Thị Thanh Th (yêu cầu trả 12 lượng vàng và 90.000.000 đồng); Vụ án thụ lý số 26/2018/TLST-DS ngày 23/01/2018 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và góp vốn*” giữa nguyên đơn Công ty TNHH Thanh T với bị đơn Trần Kim T, Nguyễn Văn Hồng.

Xét thấy khoản nợ 12 lượng vàng SJC và số tiền 90.000.000 đồng là khoản nợ độc lập cá nhân ông T, bà Th vay bà Thủy nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tách ra để giải quyết không ảnh hưởng đến việc đánh giá chứng cứ, cũng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong các vụ án khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng nghị số 176/QĐKNGĐT-VKS-VP ngày 29/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 254/2018/DS-PT ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- TAND tỉnh ĐT (để biết);
- TAND tp.CL (để biết);
- CTHADS tp.CL (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng GDKTII, HSVA.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Xuân